

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/DS-ST

Ngày: 31 - 7 - 2020

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Bình

2. Ông Trần Tú Anh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 39/2020/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2020 về tranh chấp: “hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXX-ST ngày 29 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Q**, sinh năm 1963. Địa chỉ: khóm N, thị trấn Q (xã L cũ), huyện P, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

2. *Bị đơn:*

2.1. Chị **P**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

2.2. Anh **H**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: khóm N, thị trấn Q (xã L cũ), huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 21 tháng 4 năm 2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Q trình bày:

Vào năm 2018 ông có cho chị P và anh H vay nhiều lần, đến ngày 01/12/2018 kết nợ tổng cộng bằng 22.000.000 đồng, chị P ký tên và lấn tay vào tờ vay nợ ngày 01/12/2018, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay chị P có đóng lãi khoảng 10 tháng, mỗi tháng chị P đóng 1.005.000 đồng; hiện nay chưa trả vốn. Nay ông yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc vợ chồng chị P và anh H có trách nhiệm trả số tiền vay vốn 22.000.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 6 năm 2020 và trong quá trình xét xử bị đơn chị P trình bày:*

Chị là vợ anh H. Vào năm 2018 chị có vay ông Q nhiều lần để chi tiêu trong gia đình, đến ngày 01/12/2018 ông Q kết nợ tổng cộng bằng 22.000.000 đồng, chị có ký tên và lặn tay vào tờ vay nợ ngày 01/12/2018, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng. Sau khi vay chị có đóng lãi khoảng 10 tháng, mỗi tháng chị đóng hơn 1.000.000 đồng; hiện nay chưa trả vốn. Nay theo yêu cầu của ông Q chị đồng ý cùng anh H có trách nhiệm trả ông Q số tiền vay vốn 22.000.000 đồng. Chị không yêu cầu gì đối với số tiền lãi chị đã đóng.

- Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn anh H nhưng anh H không tham gia tố tụng và cũng không cung cấp ý kiến cho Tòa án về việc ông Q khởi kiện.

- *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn ông Q: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q buộc vợ chồng chị P và anh H có trách nhiệm trả ông Q số tiền 22.000.000 đồng. Về án phí buộc chị P anh H phải nộp 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả ông Q 550.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị P và anh H trả số tiền vay nên đây là tranh chấp về hợp đồng vay tài sản. Bị đơn có nơi cư trú ở huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập bị đơn chị P và anh H tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng các bị đơn vắng mặt. Do đó Hội

đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án, không trình bày ý kiến, không đưa ra được chứng cứ chứng minh nên đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Đương sự phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của ông Q yêu cầu chị P và anh H có trách nhiệm trả ông số tiền vay vốn 22.000.000 đồng, ông không yêu cầu tính lãi.

Việc vay tiền giữa vợ chồng chị P, anh H và ông Q là có thật căn cứ vào tờ vay nợ ngày 01/12/2018 do phía nguyên đơn giao nộp. Theo nội dung tờ vay nợ ngày 01/12/2018 chị P vay ông Q số tiền 22.000.000 đồng có chữ ký và dấu vân tay của chị P và được chị P thừa nhận sự việc. Đồng thời chị P xác định chị là vợ anh H, chị vay tiền của ông Q để chi tiêu trong gia đình; vì vậy cần buộc anh H cùng chị P có trách nhiệm trả tiền vay cho ông Q là phù hợp.

Do chị P và anh H không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Q theo đúng thỏa thuận vì vậy chị P và anh H đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu của ông Q là có căn cứ phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận, buộc chị P và anh H phải trả ông Q số tiền vay vốn là 22.000.000 đồng là có căn cứ.

Ông Q không yêu cầu tính lãi. Chị P và anh H không tranh chấp với ông Q về số tiền lãi đã trả nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị P và anh H phải chịu 1.100.000 đồng.

[5] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Q.
2. Buộc chị P và anh H có trách nhiệm trả ông Q số tiền vay vốn là 22.000.000 đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị P và anh H phải nộp 1.100.000 (*Một triệu một trăm nghìn đồng*) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân.

Hoàn trả ông Q số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 550.000 đồng (*Năm trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0011420 ngày 08/5/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

